

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 256 – Kim Giang – Hoàng Mai – Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Quế	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phan Văn Đạo	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Bùi Toàn Thắng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phạm Thị Chương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Tạ Đình Lân	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Lê Thúy Hằng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Quang Huy	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2011)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2011)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2011)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Bùi Toàn Thắng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Trần Thị Bảo Hiền	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu

đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Quang Huy

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	840.912.879	91.878.429
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(840.912.879)	(91.878.429)
- Các khoản điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ năm 2009)	(840.912.879)	(91.878.429)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	-	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	840.912.879	91.878.429
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	840.912.879	91.878.429
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.880.716	1.384.718
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	292	66

22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CHỖ CHỮ
NG TY
BÊN
TỰ V
NH KẾ T
SIEM TOI
SIEM TOI

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	43.870.371.326	18.300.662.208
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.234.341.004	-
	45.104.712.330	18.300.662.208

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.200.975.068	47.475.698
Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.550.750	22.249.467
	1.293.525.818	69.725.165

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.708.235	670.144.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	52.738.429
	54.708.235	722.883.426

18. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định (*)	5.429.000.000	-
Thu nhập khác	74.594.650	165.087.421
	5.503.594.650	165.087.421

19. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định (*)	5.397.298.923	-
Chi phí khác	1.425.430	76.432.546
	5.398.724.353	76.432.546

(*): Thực hiện chủ trương của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 8 tháng 1 năm 2011 về việc chuyển đổi chiến lược kinh doanh, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị sản xuất cơ khí, đẩy chuyển nhóm và ô tô tài cho Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Kỹ thuật số.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	6.642.000.000	6.642.000.000
Vốn góp của Công ty CPĐT và DV Ô tô VN	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29.358.000.000	6.381.000.000
Cộng	42.000.000.000	19.023.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	19.023.000.000
Vốn góp đầu năm	19.023.000.000	13.023.000.000
Vốn góp tăng trong năm	22.977.000.000	6.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	19.023.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	1.902.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	1.902.300
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	1.902.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	1.902.300
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	1.902.300

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.265.975	91.265.975
Quỹ dự phòng tài chính	31.656.505	31.656.505

14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	45.869.200.343	20.403.689.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	721.001.872	-
Cộng	46.590.202.215	20.403.689.187

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.023.000.000	-	6.182.377	91.265.975	31.656.505	(1.552.378.234)	11.599.726.623
Tăng vốn trong năm trước	6.000.000.000	20.000.000	-	-	-	-	6.020.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	91.878.429	91.878.429
Giảm khác	-	-	(6.182.377)	-	-	-	(6.182.377)
Số dư đầu năm nay	19.023.000.000	20.000.000	-	91.265.975	31.656.505	(1.460.499.805)	17.705.422.675
Tăng vốn trong năm nay ^(*)	22.977.000.000	-	-	-	-	-	22.977.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	840.912.879	840.912.879
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	20.000.000	-	91.265.975	31.656.505	(619.586.926)	41.523.335.554

^(*): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2011/NQ-DHCD của Công ty ngày 05/05/2011 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 19,023 tỷ đồng lên 42 tỷ đồng thông qua phát hành thêm cổ phiếu theo phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.297.700 cổ phiếu;
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau phát hành: 42.000.000.000 đồng;
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ;
- Giá chào bán: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Kết quả phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành 2.297.700 cổ phiếu, chiếm 100% số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành.
- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 22.977.000.000 đồng.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	7.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư góp vốn vào Cty TP TM Kim Hoa	132.000.000	132.000.000
	7.632.000.000	132.000.000

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	Hà Nội	50%	50%	Cơ khí

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền thuê đất phân bổ dần	527.768.292	665.446.977
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	910.983.314	11.353.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.120.216	6.853.080
	1.566.871.822	683.653.224

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	94.181.798	270.322.892
Thuế thu nhập cá nhân	1.056.585	5.301.515
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.042.272	-
	96.280.655	275.624.407

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	25.435.587
Phụ cấp phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	62.400.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.356.075	62.353.142
	99.756.075	87.788.729

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	1.618.985.150	14.040.254.938	1.062.831.887	150.768.951	16.872.840.926
Số tăng trong năm	4.076.221.860	1.317.163.943	-	-	5.393.385.803
- Mua trong năm	-	1.317.163.943	-	-	1.317.163.943
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4.076.221.860	-	-	-	4.076.221.860
Số giảm trong năm	-	(14.011.171.048)	(475.731.030)	(19.438.935)	(14.506.341.013)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.011.171.048)	(475.731.030)	(19.438.935)	(14.506.341.013)
Số dư cuối năm	5.695.207.010	1.346.247.833	587.100.857	131.330.016	7.759.885.716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	898.870.364	8.619.566.518	592.105.389	143.477.478	10.254.019.749
Số tăng trong năm	96.021.302	78.949.327	73.387.607	7.291.473	255.649.709
- Khấu hao trong năm	96.021.302	78.949.327	73.387.607	7.291.473	255.649.709
Số giảm trong năm	-	(8.617.364.191)	(472.238.964)	(19.438.935)	(9.109.042.090)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8.617.364.191)	(472.238.964)	(19.438.935)	(9.109.042.090)
Số dư cuối năm	994.891.666	81.151.654	193.254.032	131.330.016	1.400.627.368
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	720.114.786	5.420.688.420	470.726.498	7.291.473	6.618.821.177
Tại ngày cuối năm	4.700.315.344	1.265.096.179	393.846.825	-	6.359.258.348

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 của tài sản cố định đưa đi thế chấp các khoản vay là 393.846.825 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 150.413.906 đồng.

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.712.698	20.712.698
	20.712.698	20.712.698

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	-	25.410.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.916.269	3.916.269
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.000.000	14.000.000
	17.916.269	43.326.269

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.870.344.834	44.175.203
Tiền gửi ngân hàng	920.346.909	96.065.277
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	1.700.000.000
	16.790.691.743	1.840.240.480

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm xã hội nộp thừa	26.909.098	28.225.500
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.888.889	-
Phải thu khác	12.977.804	12.510.885
	148.775.791	40.736.385

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.372.415.551	3.610.267.696
Công cụ, dụng cụ	105.993.221	136.484.620
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.779.289	298.156.319
Thành phẩm	826.271.163	2.065.858.584
Hàng hoá	2.279.228.942	134.480.067
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(222.635.203)	(233.358.468)
	5.630.052.963	6.011.888.818

nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03- 05 năm

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi nhuận của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần 7 ngày 24 tháng 2 năm 2011 hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu mới nhôm, nhựa composit;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		54.114.303.366	19.554.235.071
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(26.158.337.361)	(13.155.991.443)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.128.664.008)	(2.160.826.410)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(72.544.625)	(604.082.943)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(32.637.949)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.034.620.000	171.651.900
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.089.967.252)	(1.688.901.815)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.699.410.120	2.083.446.411
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.170.545.036)	(662.081.776)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.000.000.000	75.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(77.977.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		66.677.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.500.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	40.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.092.086.179	47.475.698
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.878.458.857)	(499.606.078)
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		22.977.000.000	6.060.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.500.000.000	12.100.906.104
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		2.652.500.000	(18.349.733.384)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		28.129.500.000	(188.827.280)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.950.451.263	1.395.013.053
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.840.240.480	445.227.427
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	16.790.691.743	1.840.240.480

Ngô Thu Hằng
Phụ trách kế toán



Vũ Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	46.590.202.215	20.403.689.187
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.590.202.215	20.403.689.187
11	4. Giá vốn hàng bán	15	45.104.712.330	18.300.662.208
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.485.489.885	2.103.026.979
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.293.525.818	69.725.165
22	7. Chi phí tài chính	17	54.708.235	722.883.426
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.708.235	670.144.997
24	8. Chi phí bán hàng		332.396.519	270.544.657
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.655.868.367	1.176.100.507
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		736.042.582	3.223.554
31	11. Thu nhập khác	18	5.503.594.650	165.087.421
32	12. Chi phí khác	19	5.398.724.353	76.432.546
40	13. Lợi nhuận khác		104.870.297	88.654.875
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		840.912.879	91.878.429
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		840.912.879	91.878.429
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	292	66

Handwritten signature

Ngô Thu Hằng
Phụ trách kế toán



Vũ Quang Huy
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.206.934.790	2.300.327.637
310	I. Nợ ngắn hạn		2.173.226.919	2.165.119.766
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	196.500.000
312	2. Phải trả người bán		1.867.877.493	1.343.553.819
313	3. Người mua trả tiền trước		94.971.000	81.400.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	96.280.655	275.624.407
315	5. Phải trả người lao động		-	83.692.021
316	6. Chi phí phải trả		-	75.219.094
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	99.756.075	87.788.729
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.341.696	21.341.696
330	II. Nợ dài hạn		33.707.871	135.207.871
334	1. Vay và nợ dài hạn		-	101.500.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		33.707.871	33.707.871
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.523.335.554	17.705.422.675
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	41.523.335.554	17.705.422.675
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.000.000.000	19.023.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		91.265.975	91.265.975
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		31.656.505	31.656.505
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(619.586.926)	(1.460.499.805)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.730.270.344	20.005.750.312

Handwritten signature

Ngô Thu Hằng
Phụ trách kế toán



Vũ Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.172.140.174	12.571.275.911
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.790.691.743	1.840.240.480
111	1. Tiền		3.790.691.743	140.240.480
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	1.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.395.456.403	4.655.107.646
131	1. Phải thu khách hàng		5.500.386.810	4.696.419.848
132	2. Trả trước cho người bán		6.380.000	49.300.000
135	3. Các khoản phải thu khác	4	148.775.791	40.736.385
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(260.086.198)	(131.348.587)
140	IV. Hàng tồn kho	5	5.715.858.670	6.011.888.818
141	1. Hàng tồn kho		5.852.688.166	6.245.247.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(136.829.496)	(233.358.468)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		270.133.358	64.038.967
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		231.504.391	-
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	20.712.698	20.712.698
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	17.916.269	43.326.269
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.558.130.170	7.434.474.401
220	II. Tài sản cố định		6.359.258.348	6.618.821.177
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6.359.258.348	6.618.821.177
222	- Nguyên giá		7.759.885.716	16.872.840.926
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.400.627.368)	(10.254.019.749)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	7.632.000.000	132.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.500.000.000	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		132.000.000	132.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.566.871.822	683.653.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.566.871.822	683.653.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.730.270.344	20.005.750.312



Số: *118* /2012/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được lập ngày 10 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2011


Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0593 /KTV

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp Công ty tiến hành tổ chức hoạt động và báo cáo bộ phận theo mặt hàng kinh doanh. Cụ thể được trình bày như dưới đây:

Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo mặt hàng kinh doanh

	Hoạt động bán ô tô	Hoạt động cơ khí	Hoạt động dịch vụ sửa chữa ô tô	Tổng cộng các bộ phận
	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	44.512.153.890	1.357.046.453	721.001.872	46.590.202.215
Giá vốn hàng bán	41.665.032.853	2.290.632.417	1.149.047.060	45.104.712.330
Lợi nhuận gộp	2.847.121.037	(933.585.964)	(428.045.188)	1.485.489.885
Kết quả hoạt động kinh doanh				-
Doanh thu hoạt động tài chính	1.205.908.875	68.083.794	19.533.149	1.293.525.818
Chi phí tài chính	51.002.574	2.879.528	826.133	54.708.235
Chi phí bán hàng	309.881.648	17.495.450	5.019.421	332.396.519
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.543.708.159	87.155.431	25.004.777	1.655.868.367
Thu nhập khác	-	5.503.594.650	-	5.503.594.650
Chi phí khác	-	5.398.724.353	-	5.398.724.353
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.148.437.531	(868.162.282)	(439.362.369)	840.912.879

Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường Miền Bắc.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Ngô Thu Hằng
Phụ trách kế toán



Vũ Quang Huy
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

